TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN Bản án số: 19/2019/TCDS-ST Ngày: 22/11/2019 *V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Định

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà Cao Thị Đại.

2. Bà Hoàng Cúc Phương.

- Thư ký phiên toà: Ông Cao Xuân Tuân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xửsơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2019/TLST-TCDS ngày 21/6/2019về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-DS ngày08 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/QĐST-TCDS ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên tài chính T Việt Nam (TFSVN); địa chỉ: Phòng 04 - 05, Saigon Centre Tòa 2, L, phường B, quận 1, thành phố H. Người đạidiện theo pháp luật: Ông NI, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Toản; địa chỉ: Công ty TNHH một thành viên tài chính T Việt Nam (TFSVN), phòng 04 - 05, tầng 12 Saigon Centre Tòa 2, L, phường B, quận 1, thành phố H (Giấy ủy quyền lập ngày 17/6/2019 tại thành phố H).

Bị đơn: Bà Bùi Thị Phương Q và ông Phạm Xuân D; địa chỉ: SN 76, tổ dân phố 15, phường T, thanh phố Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2019, văn bản sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 21/8/2019 và hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/11/2016, Công ty TNHH Một thành viên Tài chính T Việt Nam (Sau đây gọi là TFSVN) có giao kết 01 Hợp đồng tín dụng số: 100015*** với ông Phạm Xuân D và bà Bùi Thị Phương Q, thông qua việc ông D và bà Q (Bên vay) đề nghị cấp và TFSVN (Bên cho vay) đồng ý cấp tín dụng cho khoản vay với số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), với nội dung chính sau:

+ Mục đích của khoản vay: Mua 01 xe ô tô Toyota Hilux, số khung: MR0HZ8CD8G0406867, số máy: 1KDU897957, BKS: 90C-06009. Đồng thời, chiếc xe ôtô này là tài sản được bên vay thế chấp tại bên cho vay trong suốt thời hạn vay để bảo đảm cho khoản vay nêu trên.

+ Thời hạn vay: 36 tháng.

+ Lãi suất vay: 7.99%/năm, lãi suất này được điều chỉnh sau mỗi 03 tháng, hiện nay lãi suất áp dụng cho Hợp đồng tín dụng này là 10.85%/năm.

Ngoài ra, nếu bên vay không thanh toán đúng hạn theo lịch thanh toán, phải chịu lãi suất phạt tương đương 150% lãi suất vay tại thời điểm tương ứng cho phần chậm thanh toán.

Từ sau khi giao kết hợp đồng tín dụng với nội dung nêu trên, ông D và bà Q chỉ thanh toán cho TFSVNđến kỳ tháng 11/2016.Trong khoảng thời gian từ khi bắt đầu thực hiện Hợp đồng tín dụng này, ông D và bà Q đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay, mặc dù TFSVN liên tục liên hệ nhắc nhở, gửi yêu cầu thanh toán số tiền phải trả cũng như yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm để TFSVN xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật nhưng ông D và bà Q vẫn cố tình trốn tránh không thực hiện. Vì vậy,hành vi vi phạm Hợp đồng này đã gây nhiều khó khăn cho TFSVN trong hoạt động kinh doanh của mình.Như vậy, việc ông Dương và bà Q không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả là vi phạm Điều 12 của Tập tài liệu về cấp tín dụng mua xe ôtô, một phần không tách rời của Hợp đồng tín dụng số 100015***. Căn cứ theo Điều 12 Tập tài liệu về cấp tín dụng mua xe ôtô - Hợp đồng tín dụng số 100015***, TFSVN có quyền chấm dứt việc cho vay, buộc ông D và bà Q có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ đã quá hạn và toàn bộ số dư nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 100015*** cho TFSVN tính đến ngày 08/5/2019, cụ thể: Số tiền gốc là 650.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 123.246.836 đồng, tiền lãi quá hạn là 65.967.301 đồng. Tổng cộng là 839.214.137 đồng*(Tám trăm ba mươi chín triệu, hai trăm mười bốn nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng).*

Những điều khoản trên của Hợp đồng tín dụng số 100015*** được nêu chi tiết tại các Điều 6,12,17 của Tập tài liệu về cấp tín dụng mua xe ôtô; đồng thời những quy định này cũng phù hợp với những quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 39/2016/TT/NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30/12/2016.Do vậy, để quyền và lợi ích hợp pháp của TFSVN được đảm bảo, các quy định của pháp luật được tôn trọng và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, TFSVN đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên như sau:

1. Yêu cầu ông Phạm Xuân D và bà Bùi Thị Phương Q thanh toán số tiền theo bảng liệt kê bên dưới (Số liệu được cập nhật đến ngày 21/8/2019) và số tiền lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất chậm trả được quy định theo Hợp đồng

tín dụng từ ngày 22/8/2019 cho đến khi ông Phạm Xuân D và bà Bùi Thị Phương Q thanh toán toàn bộ khoản tiền theo yêu cầu, cụ thể: Tiền gốc là 650.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 132.554.648 đồng, tiền lãi quá hạn là 82.053.108 đồng. Tổng số tiền là 864.607.756 đồng *(Tám trăm sáu mươi tư triệu sáu trăm linh bẩy nghìn bẩy trăm năm* mươi sáu đồng).

2. Nếu ông Phạm Xuân D và bà Bùi Thị Phương Q khôngthanh toán số tiền nêu trên, TFSVN có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông D và bà Q tại TFSVN 01 xe ô tô Toyota Hilux, số khung: MR0HZ8CD8G0406867, số máy: 1KDU897957, BKS: 90C-06009 để cấn trừ vào nghĩa vụ trả nợ của ôngD và bà Q cho TFSVN.

Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, bản tự khai và quá trình tố tụng bà Bùi Thị Phương Q trình bày:

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, bà Q nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 55/TB-TLVA, ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phô Điện Biên Phủ về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo đơn khởi kiện của TFSVN với bị đơn là ông Phạm Xuân D và tôi (Bùi Thị Phương Q). Căn cứ Bộ hợp đồng tín dụng số 100015*** và hồ sơ, tài liệu liên quan việc đăng ký mua xe trả góp được ký kết vào ngày 08/11/2016; chi tiết số tiền phải thanh toán cho TFSVN tính từ 08/12/2016 đến 08/5/2019 là 839.214.137 đồng, bà Q không có ý kiến gì. Hiện nay, bà Bùi Thị Phương Q và ông Đặng Xuân D đã ly hôn theo Quyết định số 92/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ về việc công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, trong đó về tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước thời điểm bà Q và ông D ly hôn khi còn là vợ chồng, ông Phạm Xuân D là người trực tiếp thực hiện giao dịch ký kết hợp đồng tín dụng về việc đăng ký vay mua xe ô tô với TFSVN, trong đó bà Q có liên quan ký hợp đồng tín dụng đó với vai trò là người cùng vay; mục đích mua xe ô tô phục vụ cho việc làm ăn kinh doanh của ông D; chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên chủ sở hữu (Bên bảo đảm trong hợp đồng tín dụng) là ông Phạm Xuân D, biển số: 90C-06009 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh H cấp và ông D trực tiếp quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô đó. Bà Q và gia đình đã chuyển tiền mặt cho ông D để chi trả tiền lãi hàng tháng của số tiền gốc mua xe ô tô trên; cá nhân bà Q hoàn toàn không trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô đó. Từ khi ly hôn cho đến nay, bà Q và ông D không còn liên lạc, hiện ông D đi đâu, làm gì bà Q cũng không biết. Vì vậy,bà Q đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ buộc ông D phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là 839.214.137 đồng cho TFSVN.

Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã tiến hành giải quyết vụ án, tạo điều kiện để các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ và triệu tập nhiều lần nhưng ông Phạm Xuân D không đến Tòa án để làm việc nên không tiến hành

hòa giải được. Theo địa chỉ: SN 76, tổ dân phố 15, phường T, thanh phố Đ, tỉnh B do nguyên đơn cung cấp thì được đại diện chính quyền địa phương cho biết: ÔngPhạm Xuân D hiện đã chuyển khỏi địa bàn nơi cư trú, khi chuyển đi nơi khác ông D không báo cho chính quyền địa phương địa chỉ mới nên hiện ông D đi đâu, làm gì, chính quyền địa phương không được biết nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án số: 55/TB-TLVA ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, nhưng ông Phạm Xuân D không có ý kiến bằng văn bản, cũng không có yêu cầu phản tố gửi Tòa án.

Ngoài ra, Tòa án còn tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 01/2019/TTB-TA ngày 05/8/2019, Thông báo kết quả phiên họp ngày 21/8/2019. Tuy nhiên, ông Phạm Xuân D đều vắng mặt không có lý do; bà Bùi Thị Phương Q cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Toản trình bầy: TFSVN trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, thời gian đầu còn liên lạc được với ông D, nhưng khi ông D thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới không thông báo choTFSVN biết, ông Toản cho rằng ông D cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với TFSVN; bà Q không có ý kiến phản tố cũng như các ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; bị đơn cư trú tại thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nên theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Xuân D vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa (Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa) cho ông D theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn ông Phạm Xuân D tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 08/11/2016, giữa ông Phạm Xuân D và bà Bùi Thị Phương Q và TFSVN có ký hợp đồng tín dụng số: 100015*** để vay số tiền 650.000.000 đồng *(Sáu trăm năm mươi triệu đồng)*, mục đích của khoản

vay mua 01 xe ô tô Toyota Hilux, số khung: MR0HZ8CD8G0406867, số máy: 1KDU897957, BKS: 90C-06009, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 7.99%/năm, lãi suất này được điều chỉnh sau mỗi 03 tháng, hiện nay lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng này là 10.85%/năm; ngoài ra, nếu bên vay không thanh toán đúng hạn theo lịch thanh toán, phải chịu lãi suất phạt tương đương 150% lãi suất vay tại thời điểm tương ứng cho phần chậm thanh toán. Tài sản thế chấp cho khoản vay trên là 01 xe ô tô Toyota Hilux, số khung: MR0HZ8CD8G0406867, số máy: 1KDU897957, BKS: 90C-06009 theo bộ hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Tuy nhiên, sau khi vay ông D và bà Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Tính đến ngày 08/5/2019, ông Phạm Xuân D và bà Bùi Thị Phương Q còn nợ TFSVN tiền gốc là 650.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 123.246.836 đồng, tiền lãi quá hạn là 65.967.301 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán một lần hết số tiền gốc là 650.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 138.766.693 đồng, tiền lãi quá hạn là 98.757.036 đồng. Tổng cộng là 887.523.729 đồng *(Tám trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng)* tạm tính đến ngày 22/11/2019 và tiền lãi phát sinh đối với số tiền chưa thanh toán theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết tính từ ngày 23/11/2019; nếu bị đơn không thanh toán được, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc xử lý tài sản thế chấp để thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn không thanh toán tiền vay và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký ngày 08/11/2016 và việc không thực hiện được nghĩa vụ thế chấp tài sản để trả nợ đối với khoản tiền vay là vi phạm các thoả thuận đã ký kết, xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của nguyên đơn, do vậy nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải trả khoản tiền vay còn thiếu và tiền lãi phát sinh tại hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký tính từ ngày 23/11/2019 cho nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp; mặt khác, phía bị đơn ông Phạm Xuân D và bà Bùi Thị Phương Q trong suốt quá trình tố tụng không có văn bản nào phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của TFSVN nên yêu cầu khởi kiện trên của TFSVN là có căn cứ.Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Bùi Thị Phương Q trình bầy và xác nhận: Tính đến ngày 08/5/2019, ông D và bà Q còn nợ lại TFSVN tiền gốc và lãi là 839.214.137 đồng,

Xét tài sản thế chấp tại bộ hợp đồng tín dụng số: 100015*** ngày 08/11/2016 giữa TFSVN và ông Đặng Xuân D và bà Bùi Thị Phương Q để thế chấp 01 xe ô tô Toyota Hilux, số khung: MR0HZ8CD8G0406867, số máy: 1KDU897957, BKS: 90C-06009. Nội dung thế chấp là ông D và bà Q thế chấp tài sản trên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tiền vay tại bộ hợp đồng tín dụng số: 100015*** ngày 08/11/2016. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố H. Theo đó, bộ hợp đồng tín dụng giữa ông D và bà Q với TFSVN được ký ngày 08/11/2016 được đảm

bảo bằng tài sản thế chấp của bộ hợp đồng tín dụng đối với tài sản trên. Do đó, khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi và tiền gốc là xâm phạm quyền lợi của nguyên đơn; mặc dù ông D và bà Q đã ly hôn nhưng nghĩa vụ bảo đảm đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bộ hợp đồng tín dụng số: 100015*** ngày 08/11/2016 đối với khoản vay giữa TFSVN với ông Đặng Xuân D và bà Bùi Thị Phương Q vẫn còn giá trị; hơn nữa, ông D và bà Q là người có quyền quản lý tài sản thế chấp trên khi vi phạm nghĩa vụ trả lãi và gốc của hợp đồng tín dụng ngày 08/11/2016 phải có nghĩa vụ trả nợ, nếu không trả được nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đại diện nguyên đơn không xác định được chiếc xe này hiện đang ở đâu, còn hay đã bán vì đã yêu cầu bị đơn phối hợp giải quyết nhiều lần liên quan đến tài sản thế chấp nhưng không được. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu nếu ông D và bà Q không thanh toán số tiền trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo bộ hợp đồng tín dụng để thu hồi nợ là có cơ sở và phù hợp, HĐXX chấp nhận. Do vậy về tài sản thế chấp mà bị đơn đã thế chấp cho TFSVN để bảo đảm cho khoản tiền vay sẽ được xử lý phát mãi trong quá trình thi hành án nếu bị đơn không thi hành khoản nợ trên là 01 xe ô tô Toyota Hilux, số khung: MR0HZ8CD8G0406867, số máy: 1KDU897957, BKS: 90C-06009 do ông Đặng Xuân D đứng tên trên giấy đăng ký.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Bùi Thị Phương Q trình bầy và xác nhận: Tính đến ngày 08/5/2019, ông D và bà Q còn nợ lại TFSVN tiền gốc và lãi là 839.214.137 đồng, nhưng bà Q cho rằng chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên chủ sở hữu là ông Phạm Xuân D; ông D trực tiếp quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô, cá nhân bà Q hoàn toàn không trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô đó. Hiện bà Q và ông D đã ly hôn theo Quyết định của Tòa án, trong đó về tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết; trước thời điểm ly hôn, ông D là người trực tiếp thực hiện giao dịch ký kết hợp đồng tín dụng về việc đăng ký vay mua xe ô tô với TFSVN, bà Q chỉ liên quan ký hợp đồng tín dụng với vai trò là người cùng vay; mục đích phục vụ cho việc kinh doanh của ông D, chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên ông D và ông D trực tiếp quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô đó, vì vậy bà Q đề nghị Tòa án buộc ông D phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là 839.214.137 đồng cho TFSVN, HĐXX thấy rằng, TFSVN giao kết Hợp đồng tín dụng số: 100015*** với ông Phạm Xuân D và bà Bùi Thị Phương Q vào ngày 08/11/2016, trước thời điểm ông D và bà Q Ly hôn, vì vậy căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình VN, buộc bà Q và ông D phải có trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Do yêu cầu của TFSVN được chấp nhận nên buộc ông Phạm Xuân D và bà Bùi Thị Phương Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 38.625.000 đồng (Án phí dân sự

sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 887.523.729 đồng là 36.000.000 đồng + 87.523.729 đồng x 3% = 2.625.711 đồng (Làm tròn là 2.625.000 đồng); hoàn trả lại cho TFSVN số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.588.200 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0002361 ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình VN;

- Khoản 1 Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên tài chính T Việt Nam (TFSVN). Buộc ông Phạm Xuân D và bà Bùi Thị Phương Q trả cho Công ty TNHH một thành viên tài chính T Việt Nam số tiền nợ là 887.523.729 đồng *(Tám trăm tám mươi bẩy triệu,* năm *trăm hai mươi ba nghìn, bẩy trăm hai mươi chín đồng),* trong đó tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng, lãi trong hạn là 138.766.693 đồng, lãi quá hạn 98.757.036 đồng theo bộ hợp đồng tín dụng số: 100015*** ký kết ngày 08/11/2016 tạm tính đến ngày 22/11/2019. Phương thức thanh toán trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; sau khi nhận đủ số tiền trên, Công ty TNHH một thành viên tài chính T Việt Nam có trách nhiệm trả lại cho ông Phạm Xuân D và bà Bùi Thị Phương Q 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Toyota Hilux, số khung: MR0HZ8CD8G0406867, số máy: 1KDU897957, BKS: 90C-06009 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh H cấp ngày 07/11/2016 đứng tên chủ sở hữu Phạm Xuân D.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông D, bà Q còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại Bộ hợp đồng tín dụng số: 100015*** ký kết ngày 08/11/2016 cho đến khi trả xong nợ cho Công ty TNHH một thành viên tài chính T Việt Nam ; đồng thời tài sản đã thế chấp là 01 xe ô tôToyota Hilux, số khung: MR0HZ8CD8G0406867, số máy: 1KDU897957, BKS: 90C-06009 do ông Phạm Xuân D đứng tên trên giấy đăng ký xe sẽ được xử lý theo cam kết của Bộ

hợp đồng tín dụng ngày 08/11/2016 hoặc nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự nơi có tài sản thế chấp xử lý tài sản thế chấp để thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc ông Phạm Xuân D và bà Bùi Thị Phương Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 38.625.000 đồng *(Ba mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*; hoàn trả lại cho TFSVN số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.588.200 đồng*(Mười tám triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm đồng)* theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0002361 ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15ngày, đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án 22/11/2019, đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc án bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố ĐBP;
- CCTHADS thành phố ĐBP;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁM- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Định